TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MIN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2023
V/v trAh chấp ly hôn.

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

1. Ông Vũ Huy Hoàng.

2. Ông Phạm Văn Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 865/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022. Về việc "TrAh chấp ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn Trường A, sinh năm 1993.(có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Long Hòa, xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: A6/7 tổ 6, ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, ông Trần Văn Trường A trình bày:

Ông Trần Văn Trường A và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn vào năm 2013; theo giấy chứng nhận kết hôn số 165/2013; quyển số 01/2013, ngày 29/10/2013 do Ủy bA nhân dân xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cấp.

Thời giA đầu sống chung hạnh phúc và có 02 con chung tên là Trần Đăng Khoa, sinh ngày 03/6/2013 và Trần Ngọc Khánh Quỳnh, sinh ngày 11/6/2019. Đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được; nguyên nhân do bất đồng quA điểm trong cuộc sống; cả hai đã sống ly thân từ lâu.

Nay nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên ông A yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Đăng Khoa, sinh ngày 03/6/2013 và Trần Ngọc Khánh Quỳnh, sinh ngày 11/6/2019. Ông A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung; bởi lẽ từ trước đến giờ ông là người trực tiếp

chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung, bà H thiếu trách nhiệm trong việc thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông A không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà Nguyễn Thị H vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không tham dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên việc giải quyết vụ án vẫn còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trAh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1].Ông Trần Văn Trường A khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà Nguyễn Thị H; Bà H có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2].Về sự vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị H, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Trọng vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án; ông Trần Văn Trường A có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H, ông A theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về Nội dung:

[2.1] Về quA hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 165/2013; quyển số 01/2013, ngày 29/10/2013 do Ủy bA nhân dân xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cấp, có cơ sở xác định quA hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn Trường A và bà Nguyễn Thị H là hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn Trường A xác nhận là đời sống chung giữa ông và bà H có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quA điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp và không ai còn quA tâm chăm sóc nhau từ lâu.

Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy bA nhân xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung "*Ủy bA nhân dân xã Bình Chánhchưa tiếp nhận thông tin, chưa tổ chức hòa giải mâu thuẫn về hôn nhân giữa ông Trần Văn Trường A và bà Nguyễn Thị H, nên không thể cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tòa án*". Tuy nhiên, qua lời trình bày của ông A và thực tế cả hai đã sống ly thân và từ lâu không ai còn quA tâm chăm sóc lẫn nhau thì có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa ông A và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Trần Văn Trường A yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị H là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn Trường A .

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Đăng Khoa, sinh ngày 03/6/2013 và Trần Ngọc Khánh Quỳnh, sinh ngày 11/6/2019. Ông A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Khoa và Quỳnh; ông A không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của ông A là phù hợp, bởi lẽ kể từ ông và bà H mâu thuẫn và sống ly thân thì hai con chung do ông A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện tại hai con chung đều đAg ở với ông A; đồng thời cần sự ổn định về tâm sinh lý của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông A.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông A không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà H .

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn Trường A khai là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng bà H vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung theo chứng cứ và yêu cầu của ông A. Trường hợp các đương sự có trAh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[2.4] Bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bà vẫn vắng mặt. Vì vậy, bà đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy BA Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; Điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy BA Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quA hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn Trường A đối với bà Nguyễn Thị H.

Ông Trần Văn Trường A được ly hôn với bà Nguyễn Thị H. QuA hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn Trường A và bà Nguyễn Thị H chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 165/2013; quyển số 01/2013, ngày 29/10/2013 do Ủy bA nhân dân xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Trần Đăng Khoa, sinh ngày 03/6/2013 và Trần Ngọc Khánh Quỳnh, sinh ngày 11/6/2019 cho ông Trần Văn Trường A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà H.

Bà Nguyễn Thị H có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Ông A khai là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết; Riêng bà H vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của bà về tài sản chung, nợ chung.Trường hợp các đương sự có trAh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

4.Về án phí: Ông Trần Văn Trường A chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0041716 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A đã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự (4);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Cơ quA nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Chiến

2 000007 676206

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

***

Vào hồi giờ phút ngày tháng năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: -

-

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 8562022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022. Về việc "TrAh chấp ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn Trường A, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp Long Hòa, xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: A6/7 tổ 6, ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trAh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; Điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy BA Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quA hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn Trường A đối với bà Nguyễn Thị H.

Ông Trần Văn Trường A được ly hôn với bà Nguyễn Thị H. QuA hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn Trường A và bà Nguyễn Thị H chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 165/2013; quyển số 01/2013, ngày 29/10/2013 do Ủy bA nhân dân xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Trần Đăng Khoa, sinh ngày 03/6/2013 và Trần Ngọc Khánh Quỳnh, sinh ngày 11/6/2019 cho ông Trần Văn Trường A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà H.

Bà Nguyễn Thị H có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Ông A khai là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết; Riêng bà H vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của bà về tài sản chung, nợ chung.Trường hợp các đương sự có trAh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

4.Về án phí: Ông Trần Văn Trường A chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0041716 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A đã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Biểu quyết: /3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**